

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHÉ BIẾN  
THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét  
Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2022

M.S.C.

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT</b>	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	11 – 12
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	13 – 36



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

### **1. Thông tin chung**

Công ty là công ty cổ phần được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700460163 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 05 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 09/2008/GCNCP-TTLK-1 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2008 và giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 09/2008/GCNCP-VSD-2 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 24 tháng 07 năm 2015, với mã chứng khoán là NGC. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 06 tháng 03 năm 2008.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch Upcom theo Thông báo số 1794/TB-SGDHN của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 25 tháng 05 năm 2021, ngày đầu tiên giao dịch là ngày 31 tháng 05 năm 2021.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậy, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành tỉnh Kiên Giang
- Điện thoại : 0297 3874 131
- Fax : 0297 3924 331

Hoạt động chính của Công ty: chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; mua bán cá và thủy sản; chế biến sản phẩm từ ngũ cốc,...

### **2. Các Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đoàn Anh Vĩ	Chủ tịch
Ông Võ Thế Trọng	Thành viên
Ông Huỳnh Châu Sang	Thành viên
Ông Ngô Hữu Phước	Thành viên
Bà Tạ Thị Mùi	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Hồ Quang Diệp	Trưởng ban
Ông Lương Khắc Trung	Thành viên
Bà Huỳnh Nhi Chúc	Thành viên

AAB  
CƠ  
CH  
KIỂM  
C VI  
CHI  
CẬP  
TNG

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **Ban Giám đốc**

#### **Họ và tên**

#### **Chức vụ**

Ông Huỳnh Châu Sang

Giám đốc

Ông Võ Thế Trọng

Phó Giám đốc

### **Đại diện pháp luật**

#### **Họ và tên**

#### **Chức vụ**

Ông Huỳnh Châu Sang

Giám đốc

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh giữa niên độ**

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Vào ngày 28 tháng 06 năm 2022, Công ty đã hoàn tất thủ tục thành lập công ty con (Công ty TNHH Thủy Sản Ngô Quyền) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1702257495 cấp ngày 28 tháng 06 năm 2022 và đang trong giai đoạn hoàn tất góp vốn điều lệ theo quy định.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là Kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022.

### **6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

995-1  
CÔNG TY  
THỦY SẢN  
NGÔ QUYỀN  
CẦN THƠ  
TP. C

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

### **7. Giả định hoạt động liên tục**

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty có lỗ lũy kế vượt vốn chủ sở hữu 1.614.792.254 VND và Nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 43.727.031.097 VND do Công ty vay ngắn hạn để đầu tư vào tài sản dài hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc việc tái cấu trúc lại nguồn vốn của Công ty. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty đang thực hiện tái cấu trúc lại công ty với hình thức phát hành thêm cổ phiếu theo mệnh giá với tổng số tiền dự kiến huy động 103.000.000.000 VND. Do vậy, các báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.

### **8. Công bố các báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Giám đốc công bố các Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc



**HUỲNH CHÂU SANG**

Giám đốc

Kiên Giang, ngày 10 tháng 08 năm 2022



Số: 034/2022/BCSX-CT.00005

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2022, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Như đã nêu tại mục 5.8 và 5.9 của thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty tạm ngưng khấu hao tài sản cố định trong kỳ theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ-2022 ngày 23 tháng 05 năm 2022. Điều này Công ty chưa tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Các tài liệu hiện có tại Công ty cho thấy, nếu Công ty phản ánh đúng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ khoản mục "Giá trị hao mòn lũy kế" (Mã số 223) sẽ tăng lên khoảng 1.716.809.510 VND, khoản mục "Giá trị hao mòn lũy kế" (Mã số 229) sẽ tăng lên khoảng 44.591.816 VND và Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421) sẽ giảm một khoảng 1.761.401.326 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, chỉ tiêu Chi phí khác" (Mã số 32) sẽ tăng và chỉ tiêu "Lợi nhuận trước thuế" (Mã số 50) sẽ giảm đi một khoản tương ứng 1.716.809.510 VND.
- Như đã nêu tại mục 5.7.2 của thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty ghi nhận khoản xử lý công nợ tương ứng chi phí hoạt động những năm trước vào chi phí trả trước dài hạn theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ-2022 ngày 23 tháng 05 năm 2022. Điều này chưa đúng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Các tài liệu hiện có tại Công ty cho thấy, nếu Công ty phản ánh đúng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" (Mã số 261) sẽ giảm lên khoảng 5.666.540.460 VND và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421)" sẽ giảm một khoảng tương ứng.

# BÁO CÁO SOÁT XÉT

## THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh 9.4 của thuyết trong báo cáo tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty có lỗ lũy kế vượt vốn chủ sở hữu 1.614.792.254 VND và Nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 43.727.031.097 VND. Những điều kiện này, cùng những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh mục 9.4, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**TRANG ĐẮC NHA**

**Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 10 tháng 08 năm 2022

**NGUYỄN THỊ THANH MINH**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>111.337.513.816</b>	<b>117.259.843.648</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>92.377.640</b>	<b>71.529.065</b>
Tiền	111		92.377.640	71.529.065
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>109.682.565.715</b>	<b>115.087.240.254</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	109.539.366.222	109.863.392.235
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	183.100.000	458.193.012
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	89.423.283	4.882.048.797
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(129.323.790)	(116.393.790)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>1.392.048.876</b>	<b>1.689.779.409</b>
Hàng tồn kho	141		1.392.048.876	1.724.333.036
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(34.553.627)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>170.521.585</b>	<b>411.294.920</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	170.521.585	96.251.088
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	315.043.832
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>42.112.238.843</b>	<b>36.729.454.962</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35.459.251.000</b>	<b>35.459.251.000</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	31.956.711.000	31.956.711.000
Nguyên giá	222		66.732.346.828	66.732.346.828
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.775.635.828)	(34.775.635.828)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	3.502.540.000	3.502.540.000
Nguyên giá	228		4.459.181.484	4.459.181.484
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(956.641.484)	(956.641.484)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>715.601.563</b>	<b>715.601.563</b>
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	715.601.563	715.601.563
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	1.530.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.530.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.937.386.280</b>	<b>554.602.399</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	5.937.386.280	248.602.399
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	306.000.000
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>153.449.752.659</b>	<b>153.989.298.610</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYÊN

Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>155.064.544.913</b>	<b>153.898.227.969</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>155.064.544.913</b>	<b>153.898.227.969</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	66.126.897.127	77.099.472.222
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	3.112.962.002	2.850.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	79.990.478	475.340.760
Phải trả người lao động	314		279.500.000	356.996.940
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	678.854.795	678.854.795
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	39.962.483.800	14.975.298.252
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	44.804.000.000	57.462.265.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		19.856.711	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

95-01  
 STY.  
 NHỮNG  
 TOÁN  
 T. NA  
 ANH  
 HO  
 P. C. P.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN  
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
<b>NGUỒN VỐN</b>				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(1.614.792.254)	91.070.641
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.17	<b>(1.614.792.254)</b>	<b>91.070.641</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		22.998.540.000	22.998.540.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		22.998.540.000	22.998.540.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(24.613.332.254)	(22.907.469.359)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(22.907.469.359)	(31.021.874.234)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.705.862.895)	8.114.404.875
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>153.449.752.659</b>	<b>153.989.298.610</b>

 

**NGUYỄN KIM BÚP**  
 Người lập biểu

**NGUYỄN KIM BÚP**  
 Kế toán trưởng



**HUỲNH CHÂU SANG**  
 Giám đốc

Kiên Giang, ngày 10 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậy, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	67.654.259.142	49.824.656.210
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>67.654.259.142</b>	<b>49.824.656.210</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	67.602.668.571	48.624.513.047
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>51.590.571</b>	<b>1.200.143.163</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	445.831	2.742.493
Chi phí tài chính	22	6.4	1.398.736.019	147.765.988
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		1.398.734.699	147.765.988
Chi phí bán hàng	25	6.5	8.230.929	20.858.700
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	114.928.316	79.604.728
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(1.469.858.862)</b>	<b>954.656.240</b>
Thu nhập khác	31	6.7	69.995.967	166.098.360
Chi phí khác	32		-	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>69.995.967</b>	<b>166.098.360</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(1.399.862.895)</b>	<b>1.120.754.600</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		306.000.000	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(1.705.862.895)</b>	<b>1.120.754.600</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(742)	487

 

NGUYỄN KIM BÚP  
Người lập biểu

NGUYỄN KIM BÚP  
Kế toán trưởng



HUYNH CHÁU SANG

Giám đốc  
Kiên Giang, ngày 10 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		(1.705.862.895)	1.120.754.600
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		-	40.063.016
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(1.551.623.627)	(930.456.198)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(95.831)	(359.818)
Chi phí lãi vay	06		1.398.734.699	147.765.988
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(1.858.847.654)</b>	<b>377.767.588</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.012.788.371	(11.288.159.576)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		332.284.160	162.217.805
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		15.860.636.739	541.983.379
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.763.054.378)	8.121.435
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.904.789.494)	(147.765.988)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>12.679.017.744</b>	<b>(10.345.835.357)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(455.734.034)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		95.831	359.818
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>95.831</b>	<b>(455.374.216)</b>

3448  
CỔ  
CHÍNH  
KIỂM  
VI  
HỊN  
CÁN  
VIG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	26.754.000.000	52.817.425.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(39.412.265.000)	(41.888.189.732)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(12.658.265.000)</b>	<b>10.929.235.268</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>20.848.575</b>	<b>128.025.695</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>71.529.065</b>	<b>314.716.466</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	5.1	<b>92.377.640</b>	<b>442.742.161</b>



**NGUYỄN KIM BÚP**  
Người lập biểu



**NGUYỄN KIM BÚP**  
Kế toán trưởng




**HUỲNH CHÂU SANG**  
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 10 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGŨ QUYÊN  
Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

---

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty là công ty cổ phần được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700460163 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 03 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 05 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 09/2008/GCNCP-TTLK-1 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2008 và giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 09/2008/GCNCP-VSD-2 đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 24 tháng 07 năm 2015, với mã chứng khoán là NGC. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 06 tháng 03 năm 2008.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch Upcom theo Thông báo số 1794/TB-SGDHN của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 25 tháng 05 năm 2021, ngày đầu tiên giao dịch là ngày 31 tháng 05 năm 2021.

#### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là chế biến nông sản và thủy hải sản.

#### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty: chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản; mua bán cá và thủy sản; chế biến sản phẩm từ ngũ cốc,...

#### **1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Các số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

#### **1.6 Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, tổng số nhân viên của Công ty là 110 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 141 người).

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư 53/2016/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
  - + Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - + Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
  - + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng BIDV (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng BIDV và Vietcombank (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

#### *Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập vào ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 3 năm.

##### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	12

### 4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

### 4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị thực tế của các cổ đông.

#### 4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

#### 4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

25-C  
CÔNG TY  
SỞ HỮU  
CÁ NHÂN  
CHẾ BIẾN  
THỦY SẢN  
T.P.C

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các kỳ trước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### **4.17 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **4.18 Công cụ tài chính**

#### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm: các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.



Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### **Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **4.19 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Tên đối tượng</b>	<b>Quan hệ</b>
Công ty TNHH Thủy Sản Ngô Quyền Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Công ty con Thành viên quản lý chủ chốt

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	24.706.529	3.140.377
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn + VND	48.612.798	28.551.544
+ USD	19.058.313	39.837.144
	<b>92.377.640</b>	<b>71.529.065</b>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2022:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn + USD	834,88	19.058.313

#### 5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		936.645.120
Natori Co., Ltd (*)	-	936.645.120
Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Hoa Vinh	7.849.680.000	25.169.680.000
Công ty TNHH MTV Thống Nhất No 1	63.691.584.232	24.221.834.232
Công ty TNHH Thương Nghiệp Mekong	37.754.071.800	51.914.071.800
Các khách hàng khác	244.030.190	7.621.161.083
	<b>109.539.366.222</b>	<b>109.863.392.235</b>

(\*) Khách hàng đã thanh toán không đúng quy định, không có khả năng thu hồi. Công nợ được xử lý vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần trong vòng 36 tháng (xem thêm thuyết minh 5.7.2).

#### 5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Trả trước cho người bán khác</b>		315.091.692
Pt Blueseas Seafood Industry (*)	-	315.091.692
Công ty TNHH MTV Cơ Điện Lạnh Việt Phát	100.000.000	90.000.000
Các nhà cung cấp khác	83.100.000	53.101.320
	<b>183.100.000</b>	<b>458.193.012</b>

(\*) Đây là khoản trả trước tiền hàng đã thanh lý hợp đồng nhưng chưa được ghi nhận chi phí theo quy định. Công nợ được xử lý vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần trong vòng 36 tháng (xem thêm thuyết minh 5.7.2).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU KHÁU NGÔ QUYẾN  
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Ông Trần Thanh Tân (*)	-	-	3.161.208.282	-
Quý khen thưởng, phúc lợi bị âm (*)	-	-	1.537.059.818	-
Các đối tượng khác	89.423.283	(65.949.600)	183.780.697	(65.949.600)
	<b>89.423.283</b>	<b>(65.949.600)</b>	<b>4.882.048.797</b>	<b>(65.949.600)</b>

(\*) Đây là khoản chi phí hoạt động nhưng chưa hoàn tất thủ tục thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành và chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công nợ được xử lý vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần trong vòng 36 tháng (xem thêm thuyết minh 5.7.2)

**5.5 Nợ xấu**

	30/06/2022		01/01/2022			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Công ty Cổ phần Tân An Phú Kiên Giang	Trên 3 năm	65.949.600	-	Trên 3 năm	65.949.600	-
Các đối tượng khác	Trên 1 năm	93.544.190	30.170.000	Trên 3 năm	50.444.190	-
		<b>159.493.790</b>	<b>30.170.000</b>		<b>116.393.790</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu bán hàng VND	Nợ trả trước cho người bán VND	Nợ phải thu khác VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	(40.444.190)	(10.000.000)	(65.949.600)	(116.393.790)
Trích dự phòng bổ sung trong kỳ	-	(12.930.000)	-	(12.930.000)
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>(40.444.190)</b>	<b>(22.930.000)</b>	<b>(65.949.600)</b>	<b>(129.323.790)</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN  
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậy, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

**5.6 Hàng tồn kho**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	120.128.826	-	126.320.023	-
Công cụ, dụng cụ	1.271.920.050	-	1.344.616.248	-
Thành phẩm	-	-	253.396.765	(34.553.627)
	<b>1.392.048.876</b>	<b>-</b>	<b>1.724.333.036</b>	<b>(34.553.627)</b>

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 được dùng đảm bảo vay tại Ngân hàng Vietinbank (xem thêm tại thuyết minh số 5.16).

**5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	52.227.073	50.279.569
Chi phí khác chờ phân bổ	118.294.512	45.971.519
	<b>170.521.585</b>	<b>96.251.088</b>

**5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	97.285.649	162.563.406
Chi phí khác chờ phân bổ	5.840.100.631	86.038.993
	<b>5.937.386.280</b>	<b>248.602.399</b>

(\*) Trong đó, khoản xử lý công nợ tương ứng chi phí hoạt động chưa được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ 5.666.540.460 VND được Công ty ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần trong vòng 36 tháng theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ-2022 ngày 23 tháng 05 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty (xem chi tiết tại thuyết minh số 5.3 và 5.4).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẤU NGỒ QUYÊN  
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cạn, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

**5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2022	25.236.001.711	40.374.356.849	872.605.575	249.382.693	66.732.346.828
Tại ngày 30/06/2022	25.236.001.711	40.374.356.849	872.605.575	249.382.693	<b>66.732.346.828</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2022	8.372.969.413	25.367.161.829	828.313.144	207.191.442	34.775.635.828
Khấu hao trong kỳ (*) Tại ngày 30/06/2022	8.372.969.413	25.367.161.829	828.313.144	207.191.442	<b>34.775.635.828</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2022	16.863.032.298	15.007.195.020	44.292.431	42.191.251	31.956.711.000
Tại ngày 30/06/2022	16.863.032.298	15.007.195.020	44.292.431	42.191.251	<b>31.956.711.000</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2022	986.093.340	2.306.700.408	762.605.575	68.064.763	4.123.464.086
Tại ngày 30/06/2022	986.093.340	2.306.700.408	762.605.575	68.064.763	<b>4.123.464.086</b>

Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:

Tại ngày 01/01/2022	16.863.032.298	15.007.195.020	44.292.431	42.191.251	31.956.711.000
Tại ngày 30/06/2022	16.863.032.298	15.007.195.020	44.292.431	42.191.251	<b>31.956.711.000</b>

(\*) Trong kỳ, Công ty tạm ngưng khấu hao tài sản cố định hữu hình theo Nghị quyết số 02/NQ-PHĐCĐ-2022 ngày 23 tháng 05 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty dẫn đến giảm chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ khoảng 1.716.809.510 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN  
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậy, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2022	4.459.181.484
Tại ngày 30/06/2022	<u>4.459.181.484</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2022	956.641.484
Khấu hao trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2022	<u>956.641.484</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2022	3.502.540.000
Tại ngày 30/06/2022	<u>3.502.540.000</u>

(\*) Trong kỳ, Công ty tạm ngưng khấu hao tài sản cố định hữu hình theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ-2022 ngày 23 tháng 05 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty dẫn đến giảm chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ khoảng 44.591.816 VND.

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	715.601.563	715.601.563

**5.11 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty TNHH Thương mại Và Đầu Tư Tấn Lộc	12.614.670.000	23.652.910.000
Bà Nguyễn Ngọc Diệp	7.933.550.800	7.933.550.800
Ông Trần Văn Trung	6.765.866.000	6.765.866.000
Các nhà cung cấp khác	38.812.810.327	38.747.145.422
	<u>66.126.897.127</u>	<u>77.099.472.222</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

**5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Ông Huỳnh Ngọc Thạch	2.850.000.000	2.850.000.000
Các khách hàng khác	262.962.002	-
	<b>3.112.962.002</b>	<b>2.850.000.000</b>

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2022	Số phát sinh trong kỳ		30/06/2022
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế thu nhập cá nhân	137.969.702	-	(90.337.821)	47.631.881
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	337.371.058	294.526.408	(599.538.869)	32.358.597
	<b>475.340.760</b>	<b>294.526.408</b>	<b>(689.876.690)</b>	<b>79.990.478</b>

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%, 5%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập của doanh nghiệp từ chế biến thủy sản ở địa bàn kinh tế xã hội khó khăn theo khoản 13, điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.399.862.895)	1.120.754.600
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	11.500.000
Chuyển lỗ trong kỳ	-	(1.132.254.600)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Trích trước chi phí lãi vay	506.054.795	506.054.795
Trích trước chi phí khác	172.800.000	172.800.000
	<b>678.854.795</b>	<b>678.854.795</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

**5.15 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Ông Nguyễn Đoàn Anh Vĩ - Tạm mượn	4.500.000.000	14.100.000.000
Bà Tạ Thị Mùi - Tạm mượn	11.800.000.000	-
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>		
Bà Cao Thị Thúy.- Tạm mượn	16.500.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Tạm mượn	5.800.000.000	-
Các đối tượng khác - Phải trả khác	1.362.483.800	875.298.252
	<b>39.962.483.800</b>	<b>14.975.298.252</b>

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay các bên liên quan</b>				
Bà Tạ Thị Mùi	6.250.000.000	6.250.000.000	18.050.000.000	18.050.000.000
<b>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Ngân hàng Vietinbank	38.554.000.000	38.554.000.000	39.412.265.000	39.412.265.000
	<b>44.804.000.000</b>	<b>44.804.000.000</b>	<b>57.462.265.000</b>	<b>57.462.265.000</b>

Đây là các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng tại các ngân hàng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn được bảo đảm bằng hình thức thế chấp toàn bộ giá trị hàng tồn kho và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình có số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 lần lượt là 1.392.048.876 VND và 31.956.711.000 VND.

**Chi tiết số dư khoản vay và nợ ngắn hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2022:**

	Hạn mức VND	Lãi suất %/năm	30/06/2022 VND
Bà Tạ Thị Mùi		10,00%	6.250.000.000
Ngân hàng Vietinbank	41.115.000.000	9,30%	38.554.000.000
			<b>44.804.000.000</b>

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:**

	Vay cá nhân VND	Vay ngân hàng VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	18.050.000.000	39.412.265.000	57.462.265.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-	38.554.000.000	38.554.000.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	-	(39.412.265.000)	(39.412.265.000)
Giảm khác	(11.800.000.000)	-	(11.800.000.000)
Tại ngày 30/06/2022	<b>6.250.000.000</b>	<b>38.554.000.000</b>	<b>44.804.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

### 5.17 Vốn chủ sở hữu

#### 5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	22.998.540.000	(31.021.874.234)	(8.023.334.234)
Lãi trong kỳ	-	1.120.754.600	1.120.754.600
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>22.998.540.000</b>	<b>(29.901.119.634)</b>	<b>(6.902.579.634)</b>
Tại ngày 01/07/2021	22.998.540.000	(29.901.119.634)	(6.902.579.634)
Lãi trong kỳ	-	6.993.650.275	6.993.650.275
Tại ngày 31/12/2021	<b>22.998.540.000</b>	<b>(22.907.469.359)</b>	<b>91.070.641</b>
Tại ngày 01/01/2022	22.998.540.000	(22.907.469.359)	91.070.641
Lỗ trong kỳ	-	(1.705.862.895)	(1.705.862.895)
<b>Tại ngày 30/06/2022</b>	<b>22.998.540.000</b>	<b>(24.613.332.254)</b>	<b>(1.614.792.254)</b>

#### 5.17.2 Chi tiết vốn góp của các cổ đông

Cổ đông	30/06/2022		01/01/2022	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Đoàn Anh Việt	5.671.000.000	24,66%	5.749.000.000	25,00%
Ông Hoàng Công Thành	1.793.700.000	7,80%	1.793.700.000	7,80%
Tcm Investment Funds Luxembourg Dividend Equity	4.320.000.000	18,78%	2.139.000.000	9,30%
Intereffeki Investment Funds	2.460.000.000	10,70%	-	-
Các cổ đông khác	8.753.840.000	38,06%	13.316.840.000	57,90%
	<b>22.998.540.000</b>	<b>100%</b>	<b>22.998.540.000</b>	<b>100%</b>

#### 5.17.3 Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.299.854	2.299.854
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	2.299.854	2.299.854
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	<b>2.299.854</b>	<b>2.299.854</b>
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	2.299.854	2.299.854
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	<b>2.299.854</b>	<b>2.299.854</b>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

**5.18 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Ngoại tệ các loại**

	30/06/2022	01/01/2022
- Đô la Mỹ (USD)	834,88	1.756,58

**5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa nợ	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Surimi Tech Limited	Không thu hồi được	212.550.000	212.550.000
Các đối tượng khác	Không thu hồi được	279.606.919	279.606.919
		<b>492.156.919</b>	<b>492.156.919</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng	62.849.721.710	44.246.264.376
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.804.537.432	5.578.391.834
	<b>67.654.259.142</b>	<b>49.824.656.210</b>

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Giá vốn bán hàng	61.949.251.562	44.395.196.886
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.653.417.009	4.229.316.161
	<b>67.602.668.571</b>	<b>48.624.513.047</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	95.831	359.818
Lãi chênh lệch tỷ giá	350.000	2.382.675
	<b>445.831</b>	<b>2.742.493</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

### 6.4 Chi phí tài chính

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Chi phí lãi vay	1.398.734.699	147.765.988
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.320	-
	<b>1.398.736.019</b>	<b>147.765.988</b>

### 6.5 Chi phí bán hàng

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Chi phí kiểm nghiệm	2.580.000	5.682.000
Chi phí vận chuyển hàng bán	-	15.176.700
Chi phí bán hàng khác	5.650.929	-
	<b>8.230.929</b>	<b>20.858.700</b>

### 6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	12.929.800	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	101.998.516	79.604.728
	<b>114.928.316</b>	<b>79.604.728</b>

### 6.7 Thu nhập khác

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Thu nhập khác	69.995.967	166.098.360

### 6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	201.082.639	926.966.128
Chi phí nhân công	2.078.297.369	3.193.264.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	40.063.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.862.676.625	1.428.801.128
Chi phí khác	950.432.925	572.901.439
	<b>5.092.489.558</b>	<b>6.161.996.061</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN  
 Khu công nghiệp Cảng cá Tắc Cậy, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.705.862.895)	1.120.754.600
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.705.862.895)	1.120.754.600
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	2.299.854	2.299.854
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(742)</b>	<b>487</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	26.754.000.000	52.817.425.000

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	39.412.265.000	41.888.189.732

**8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

**i Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

---

### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

### ***Phải thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

### ***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1.

Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

## **ii Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Ngày 30 tháng 06 năm 2022</b>			
Các khoản vay và nợ	44.804.000.000	-	44.804.000.000
Phải trả người bán	66.126.897.127	-	66.126.897.127
Phải trả khác và chi phí phải trả	40.641.338.595	-	40.641.338.595
	<b>151.572.235.722</b>	<b>-</b>	<b>151.572.235.722</b>
<b>Ngày 01 tháng 01 năm 2022</b>			
Các khoản vay và nợ	57.462.265.000	-	57.462.265.000
Phải trả người bán	77.099.472.222	-	77.099.472.222
Phải trả khác và chi phí phải trả	15.654.153.047	-	15.654.153.047
	<b>150.215.890.269</b>	<b>-</b>	<b>150.215.890.269</b>

### Tài sản đảm bảo

Công ty đã dùng tài sản cố định của mình để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng vào ngày 01 tháng 01 năm 2022 và ngày 30 tháng 06 năm 2022 (xem thuyết minh 5.8).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 và ngày 30 tháng 06 năm 2022.

### Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Phải thu khách hàng	109.498.922.032	109.822.948.045	109.498.922.032	109.822.948.045
Các khoản phải thu khác	23.473.683	4.816.099.197	23.473.683	4.816.099.197
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền	92.377.640	71.529.065	92.377.640	71.529.065
	<b>109.614.773.355</b>	<b>114.710.576.307</b>	<b>109.614.773.355</b>	<b>114.710.576.307</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	44.804.000.000	57.462.265.000	44.804.000.000	57.462.265.000
Phải trả người bán	66.126.897.127	77.099.472.222	66.126.897.127	77.099.472.222
Phải trả khác	40.641.338.595	15.654.153.047	40.641.338.595	15.654.153.047
	<b>151.572.235.722</b>	<b>150.215.890.269</b>	<b>151.572.235.722</b>	<b>150.215.890.269</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01 tháng 01 năm 2022 và ngày 30 tháng 06 năm 2022. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

### 9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

#### 9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Tiền lương và thưởng	128.000.000	140.750.000

#### 9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Số dư các khoản phải trả với các bên có liên quan

Cá nhân liên quan	Nội dung	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Bà Tạ Thị Mùi	Vay ngắn hạn	6.250.000.000	18.050.000.000
	Tạm mượn	11.800.000.000	-
Ông Nguyễn Đoàn Anh Vĩ	Tạm mượn	4.500.000.000	14.100.000.000

#### 9.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý.

**Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động chủ yếu của Công ty là kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến.

**Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh thương mại, sản xuất và chế biến.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

06 tháng đầu năm 2022	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	-	67.654.259.142	67.654.259.142
Chi phí phân bổ	-	(67.602.668.571)	(67.602.668.571)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	-	<b>51.590.571</b>	<b>51.590.571</b>
Chi phí không phân bổ			(123.159.245)
Thu nhập hoạt động tài chính			445.831
Chi phí hoạt động tài chính			(1.398.736.019)
Thu nhập khác			69.995.967
Chi phí khác			-
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>(1.399.862.895)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			306.000.000
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>			<b>(1.705.862.895)</b>
<b>Vào ngày 30/06/2022</b>			
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>			
Tài sản của bộ phận	-	109.539.366.222	109.539.366.222
Tài sản không phân bổ			43.910.386.437
<b>Tổng tài sản</b>			<b>153.449.752.659</b>
Nợ phải trả không phân bổ			155.064.544.913
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>155.064.544.913</b>
<b>06 tháng đầu năm 2021</b>			
Doanh thu thuần	650.672.400	49.173.983.810	49.824.656.210
Chi phí phân bổ	(634.999.436)	(47.989.513.611)	(48.624.513.047)
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>15.672.964</b>	<b>1.184.470.199</b>	<b>1.200.143.163</b>
Chi phí không phân bổ			(100.463.428)
Thu nhập hoạt động tài chính			2.742.493
Chi phí hoạt động tài chính			(147.765.988)
Thu nhập khác			166.098.360
Chi phí khác			-
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			<b>1.120.754.600</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành			-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>			<b>1.120.754.600</b>
<b>Vào ngày 30/06/2021</b>			
<b>Tài sản và nợ phải trả</b>			
Tài sản của bộ phận	1.600.627.776	12.715.688.768	14.316.316.544
Tài sản không phân bổ			46.084.892.453
<b>Tổng tài sản</b>			<b>60.401.208.997</b>
Nợ phải trả không phân bổ			67.303.788.631
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>67.303.788.631</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

### 9.4 Giả định hoạt động liên tục

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty có lỗ lũy kế vượt vốn chủ sở hữu 1.614.792.254 VND và Nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 43.727.031.097 VND do Công ty vay ngắn hạn để đầu tư vào tài sản dài hạn. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc việc tái cấu trúc lại nguồn vốn của Công ty. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty đang thực hiện tái cấu trúc lại công ty với hình thức phát hành thêm cổ phiếu theo mệnh giá với tổng số tiền dự kiến huy động 103.000.000.000 VND. Do vậy, các báo cáo cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trong mười hai tháng tới.

### 9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Vào ngày 28 tháng 06 năm 2022, Công ty đã hoàn tất thủ tục thành lập công ty con (Công ty TNHH Thủy Sản Ngô Quyền) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1702257495 cấp ngày 28 tháng 06 năm 2022 và đang trong giai đoạn hoàn tất góp vốn điều lệ theo quy định.



NGUYỄN KIM BÚP  
Người lập biểu



NGUYỄN KIM BÚP  
Kế toán trưởng



HUYỄN CHÂU SANG  
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 10 tháng 08 năm 2022



**CÔNG TY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN**  
*Xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang*

Kiên Giang, ngày 19 tháng 08 năm 2022

**GIẢI TRÌNH**  
**KẾT QUẢ BCTC SOÁT XÉT GIỮA NIÊN ĐỘ 2022**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội  
- Cổ đông Công ty.

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần chế biến thủy sản xuất khẩu Ngô Quyền lập ngày 11/07/2022 và Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét số 034/2022//BCSX-CT.00005 ngày 10/08/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt nam – Chi nhánh Cần Thơ có sự chênh lệch về kết quả lợi nhuận. Công ty có giải trình như sau:

**1. Về kết quả sản xuất kinh doanh:**

- Lợi nhuận SXKD sau thuế theo BCTC của Công ty:	-1.351.423.980 đ
- Lợi nhuận SXKD sau thuế theo BCTC đã được soát xét:	-1.705.862.895 đ
- Lợi nhuận SXKD sau thuế bị lỗ tăng thêm:	354.438.915 đ

**2. Nội dung điều chỉnh ảnh hưởng lợi nhuận:**

<b>- Điều chỉnh giảm lợi nhuận:</b>	<b>354.438.915 đ</b>
+ Ghi tăng chi phí QLDN do trích DP nợ khó đòi:	12.930.000 đ
+ Ghi tăng Chi phí QLDN do ghi nhận thiếu tiền thuê đất:	35.508.915 đ
+ Ghi tăng lỗ ĐC tất toán tài sản thuế TNDN hoãn lại:	306.000.000 đ

306.000.000 đ  
Các Khoản điều chỉnh trên đã làm âm thêm lợi nhuận sau thuế của hoạt động SXKD giữ niên độ 2022 của Công ty số tiền là 354.438.915 đồng, Như vậy lợi nhuận hoạt động SXKD giữa niên độ 2022 là : -1.705.862.895 đồng.

Trên đây là giải trình chênh lệch kết quả lợi nhuận của BCTC giữ niên độ 2022 của Công ty với BCTC đã được soát xét của Công ty Kiểm toán AFC VN –CN Cần Thơ.

Trân trọng!

**CTY CP CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN**



Huỳnh Châu Sang